

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả triển khai công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện**

Căn cứ Thông báo số 253/TB-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện về nội dung, thời gian phiên họp thường kỳ UBND huyện tháng 11 năm 2022.

Phòng Lao động – TB&XH huyện Tu Mơ Rông báo cáo kết quả khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

#### **I. Công tác tham mưu**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện đã triển khai các văn bản liên quan triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện<sup>1</sup>

#### **II. Kết quả triển khai thực hiện**

##### **1. Kết quả triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình MTQGGNBV năm 2022**

---

<sup>1</sup>(1) Hội đồng nhân dân huyện ban hành: Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

(2) Ủy ban nhân dân huyện: Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 về việc thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện; Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2022 và Quyết định 79a/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND huyện về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 02/QĐ-BCĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 03/QĐ-BCĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc thành lập và kiện toàn Tổ công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định 01/QĐ-TCTHCTMTQGGN ngày 13/5/2022 về việc ban hành quy chế hoạt động và Thông báo số: 01/TB-TCTHCTMTQGGN ngày 16/5/2022 về việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ Công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021; Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện về việc công bố công khai dự toán ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 22/9/2022 của UBND huyện về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2022 theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ.

Tổng số vốn thực hiện chương trình trong năm 2022: 76.374 triệu đồng (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 9.965 triệu đồng).

- Vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/7/2022): 74.334 triệu đồng (Trong đó: Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng, Vốn sự nghiệp 7.925 triệu đồng).

- Vốn phân bổ kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang (theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 03/6/2022): 2.040 triệu đồng (Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng).

### **1.1. Tình hình, phân bổ và sử dụng nguồn vốn**

### **1.2. Đối với nguồn vốn thực hiện chương trình năm 2022**

Qua phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, tính đến thời điểm 10/11/2022 đã giải ngân được 15.427/74.334 triệu đồng, đạt tỷ lệ **20,75%** (Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 44/7.925 triệu đồng, đạt 0,56%). Ước tính giải ngân đến 31/12/2022 được 62.610 triệu đồng, đạt 84,23% (Vốn đầu tư phát triển 59.187/66.409 triệu đồng, đạt 89,12%; Vốn sự nghiệp 3.423/7.925 triệu đồng, đạt 43,20%) cụ thể:

**a. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo:** Ngân sách Trung ương: 68.343 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển 66.409 triệu đồng; Vốn sự nghiệp 1.934 triệu đồng).

- Tiến độ giải ngân: 15.538/68.343 triệu đồng, đạt 23,51% (Vốn đầu tư phát triển 15.383/66.409 triệu đồng, đạt 23,16%; Vốn sự nghiệp 0/1.934, đạt 0%).

- Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 61.121/68.343 triệu đồng, đạt 89,43% (Vốn đầu tư phát triển 59.187/66.409 triệu đồng, đạt 89,12%; Vốn sự nghiệp 1.934/1.934 triệu đồng, đạt 100%).

**b. Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:** Ngân sách Trung ương: 2.315 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

**c. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp):** Ngân sách Trung ương: 981 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Khó giải ngân được vì hiện nay tỉnh chưa ban hành định mức hỗ trợ cho các hộ dân cũng như Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

### **d. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

\* **Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:** Ngân sách Trung ương: 1.697 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

- Đối với nguồn vốn hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Chi hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho cơ sở

*giáo dục nghề nghiệp*): 956 triệu đồng. Không giải ngân được vì căn cứ theo **Điểm a Khoản 1 Điều 16** Thông Tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ tài chính về việc Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thi Trung Tâm GDNN-GDTX huyện chuyển trụ sở làm việc qua Trụ sở mới theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum nên không có danh mục bảo dưỡng, sửa chữa tài sản.

- Đối với nguồn kinh phí đào tạo nghề: 741 triệu đồng. Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: Trung Tâm GDNN-GDTX đang triển khai mở 09 lớp với 315 học viên, dự kiến kinh phí giải ngân 691/741 triệu đồng, đạt 93,25%.

**\* Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:** Ngân sách Trung ương: 259 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 59/259 triệu đồng, đạt 22,77 % vì do ảnh hưởng của đại dịch Covid, trên địa bàn huyện không có lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động do đó không thực hiện được các chính sách hỗ trợ dẫn đến không thể giải ngân hết nguồn kinh phí được giao.

**\* Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững:** Ngân sách Trung ương: 185 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 185/185 triệu đồng, đạt 100%.

#### **e. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

**\* Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin:** Ngân sách Trung ương: 38 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 38/38 triệu đồng, đạt 100%.

**\* Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:** Ngân sách Trung ương: 44 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*). Đã giải ngân 44/44 triệu, đạt 100%.

#### **g. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình**

**- Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:** Ngân sách Trung ương: 308 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 308/308 triệu đồng, đạt 100%.

**- Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá:** Ngân sách Trung ương: 164 triệu đồng (*Vốn sự nghiệp*).

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 164/164 triệu đồng, đạt 100%.

**1.3. Đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 chuyển sang: 2.040 triệu đồng (Trong đó: Vốn sự nghiệp 2.040 triệu đồng).**

Dự kiến khả năng giải ngân đến 31/12/2022: 2.040/2.040 triệu đồng, đạt 100%.

### **2. Kết quả giảm nghèo**

**2.1. Cuối năm 2021: Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ**

- Hộ nghèo: 3.546/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 52,11% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 3.545/3.546 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ cận nghèo: 550/6.805 hộ, chiếm tỷ lệ 8,08% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 550/550 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

## **2.2. Cuối năm 2022**

### **a. Kết quả rà soát**

- Hộ nghèo: 2.859/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 2.858/2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

- Hộ thoát nghèo: 742 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 11,05% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 41,06% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 2.859/6.963 hộ*).

- Hộ cận nghèo: 432/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 432/432 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

- Hộ thoát cận nghèo: 228 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 1,88% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 – tỷ lệ % kết quả điều tra cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 6,20% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 432/6.963 hộ*).

### **b. So sánh kết quả giảm nghèo với Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện.**

- Kết quả giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (*Tỷ lệ Hộ nghèo+Hộ cận nghèo*): Đạt 12,93% /10,23%. Trong đó: tỷ lệ hộ nghèo 11,05%/8,74%, Tỷ lệ hộ cận nghèo 1,88%/1,50% (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo 8,74%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,50%*). Vượt kế hoạch 2,70%.

- Kết quả giảm hộ nghèo: 742/556 hộ, đạt tỷ lệ 133,45%, tỷ lệ hộ nghèo giảm 11,05% (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 556 hộ, tỷ lệ giảm 8,74%*). Vượt kế hoạch 2,31%.

- Kết quả giảm hộ cận nghèo: 228/96 hộ, đạt tỷ lệ 237,5% vượt kế hoạch (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%*). Tuy nhiên số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo và hộ cận nghèo phát sinh mới là 110 hộ nên số hộ cận nghèo tại thời điểm 432 hộ (*550-228+110*), do đó trong năm 2022 giảm 118/96 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,88 (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 là giảm 96 hộ, tỷ lệ giảm 1,50%*). Vượt kế hoạch 0,38%.

## **III. Đánh giá chung**

- Được sự quan tâm và chỉ đạo của tỉnh, của huyện, các ban, ngành, địa phương đã phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, kịp thời, năng động, sáng tạo có tinh thần trách nhiệm cao trong triển khai, tổ chức thực hiện.

- Kết quả giảm nghèo hàng năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra (*Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 09/6/2020 của Đảng bộ huyện Tư Mơ Rông lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 về tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 6-8%*). Trong năm giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (*Tỷ lệ Hộ nghèo+Hộ cận nghèo*): Đạt 12,93% /10,23%. Trong đó: tỷ lệ hộ nghèo 11,05%/8,74%, Tỷ lệ hộ cận nghèo 1,88%/1,50% (*Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/02/2022 giảm tỷ lệ hộ nghèo 8,74%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,50%*). Vượt kế hoạch 2,70%.

- Nhận thức trong nhân dân, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số đã có chuyển biến, người dân đã chủ động hơn trong việc tổ chức sản xuất của hộ, phấn đấu vươn lên làm giàu.

- Các dự án đã và đang được triển khai thực hiện trong thời gian qua đã góp phần tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho hộ dân.

Trên đây là báo cáo kết quả khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2022 của Phòng Lao động – TB&XH huyện./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện(b/c);
- Văn Phòng HĐND-UBND huyện (T/hợp);
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Nguyễn Thuận Hóa**